

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 5 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát, ông Lã Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị T, sinh năm: 1985 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn Đ, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2023, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án chị T trình bày: Chị và anh Đ kết hôn có đăng ký tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang vào năm 2004. Năm 2019 anh chị đã ly hôn nhưng lại tự

nguyện đăng ký kết hôn lại (lần 2) vào ngày 12/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, nhưng anh chị không chung sống cùng nhau, anh Đ ở xã T, còn chị ở xã Y. Chị xác định tình cảm vợ chồng không có, chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Ngô Văn T1, sinh ngày 21/01/2006 và Ngô Văn D, sinh ngày 25/8/2011. Cháu T1 đã trưởng thành, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Chứng cứ chị T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: 01 bản sao trích lục kết hôn số 140/TLKH-BS ngày 08/12/2023 của UBND xã T, 01 bản sao Giấy khai sinh Ngô Văn T1, 01 trích lục khai sinh Ngô Văn D; 01 bản sao trang số 29 sổ đăng ký kết hôn số 01/2019 của UBND xã T, huyện S ghi việc chị T và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 12/6/2020.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Ngô Văn Đ trình bày: Anh Đ thừa nhận anh và chị T đã ly hôn 01 lần vào năm 2019. Sau khi ly hôn chị T và cháu Ngô Văn D về sinh sống tại xã Y. Năm 2020 chị T đã tự ý đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T, anh không được ký vào Giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Anh và chị T đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2019. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh không yêu cầu giám định chữ ký trong hồ sơ gốc đăng ký kết hôn tại UBND xã T lưu trữ.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung như chị T khai là đúng. Tại bản án xét xử việc anh và chị T ly hôn năm 2019 Tòa án đã giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D nhưng chị T chỉ nuôi cháu D từ năm 2019 đến năm 2020, sau đó anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến nay. Chị T đề nghị trực tiếp nuôi cháu D, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Đ thừa nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**. Cho chị **T** ly hôn anh **Đ**. Giao cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Ngô Văn D**. Anh **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **T** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, anh **Đ** đang cư trú tại **huyện S, tỉnh Bắc Giang**. Tòa án nhân dân huyện S thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị **T** và anh **Đ** đều thừa nhận vợ chồng đã ly hôn 01 lần vào năm 2019. Chị **T** trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn lần 2 vào ngày 12/6/2020 tại **UBND xã T**, lời trình bày của chị **T** phù hợp với bản sao trích lục kết hôn số 140/TLKH-BS của **UBND xã T, huyện S** do chị **T** nộp kèm theo đơn khởi kiện. Anh **Đ** trình bày không đăng ký kết hôn lần 2 vào ngày 12/6/2020 tại **UBND xã T** nhưng anh **Đ** không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc không đăng ký kết hôn lần 2 với chị **T**.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị **T**, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **Đ** đăng ký kết hôn ngày 12/6/2020 tại **UBND xã T**, Tòa án đã xác minh và xác định được: tại trang 29 sổ đăng ký kết hôn số 01/2019 của **UBND xã T** có ghi việc chị **T** kết hôn với anh **Đ**, có chữ ký của hai người trong sổ đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **Đ** là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị **T** và anh **Đ** không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không có, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị

T, cho chị **T** được ly hôn anh **D** là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị **T** và anh **D** đều thừa nhận có 02 con chung: là **Ngô Văn T1**, sinh ngày 21/01/2006 và **Ngô Văn D**, sinh ngày 25/8/2011. Cháu **T1** đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị **T** đề nghị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **D** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh **D** đồng ý nên cần chấp nhận sự thoả thuận về con chung của các đương sự.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị **T** là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 5, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Cho chị **Vương Thị T** ly hôn anh **Ngô Văn D**.
2. Giao cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Ngô Văn D**, sinh ngày 25/8/2011. Anh **D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị **T** được miễn án phí dân sự sơ thẩm
Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Thanh Luận, H. S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thọ